

Số: 876/QĐ-CDYTHN

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành 06 chương trình đào tạo chính quy trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc qui định lại chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Y tế Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Y tế Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 831/QĐ-CDYHN ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng năm 2022;

Căn cứ Biên bản Thẩm định CTĐT bổ sung, chỉnh sửa ngày 16-18 tháng 6 năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành quyết định chương trình đào tạo chính quy trình độ cao đẳng của 05 ngành đào tạo (có chương trình kèm theo):

- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng
- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Hộ sinh
- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Kỹ thuật hình ảnh y học
- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng
- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Chăm sóc sắc đẹp

Điều 2. Quyết định được áp dụng khóa tuyển sinh từ 6/2022.

Điều 3. Phòng Đào tạo, các Khoa/bộ môn và các phòng chức năng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (Để báo cáo);
- Như Điều 3 (Để thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Tân

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 876/QĐ-CĐYTHN ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng y tế Hà Nội)

Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Ngành đào tạo : Chăm sóc sắc đẹp
Mã Ngành : 6810404
Hình thức đào tạo : Chính quy

Hà Nội, năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 436/QĐ-CDYTHN ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng y tế Hà Nội)

Tên ngành, nghề	: Chăm sóc sắc đẹp (Beauty care)
Mã ngành, nghề	: 6810404
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp Trung học phổ thông
Thời gian đào tạo	: 3 năm.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Người học ngành Chăm sóc sắc đẹp trình độ cao đẳng sau khi tốt nghiệp có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc, kiến thức về xu hướng làm đẹp, mỹ thuật và thẩm mỹ được ứng dụng trong lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp (tạo mẫu tóc, chăm sóc tóc, trang điểm, chăm sóc da, móng, phun xăm thẩm mỹ chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Chuyên viên chăm sóc sắc đẹp có khả năng giải quyết những vấn đề thường gặp trong chăm sóc thẩm mỹ, đồng thời có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, nghiên cứu nâng cao trình độ, rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng, xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;
- Trình bày được tác động của nghề Chăm sóc sắc đẹp đối với kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường;
- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các dịch vụ trong lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;
- Trình bày được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp: Kỹ thuật chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm thẩm mỹ, chăm sóc khách hàng, chăm sóc chuyên sâu về da, quy trình massage bấm huyệt, quản lý cơ sở làm đẹp và các dịch vụ khác;

- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;
- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong Cơ sở làm đẹp để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;
- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;
- Giám sát và đánh giá được kết quả công việc tại các bộ phận của cơ sở làm đẹp;
- Xác định được các công việc cơ bản trong quản lý nhân sự, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý tiếp thị và kinh doanh, quản lý chất lượng dịch vụ... trong kinh doanh cơ sở làm đẹp;
- Trình bày được các tiêu chuẩn 5S tại nơi làm việc;
- Mô tả quy trình vận hành kết nối mạng tại cơ sở làm việc;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện thành thạo quy trình phục vụ khách hàng;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc da: chăm sóc da mặt, da toàn thân, chuyên sâu về da;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc móng, thiết kế tạo hình móng;
- Thực hiện thành thạo quy trình trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;
- Thực hiện thành thạo quy trình Massage, xoa bóp bấm huyệt;
- Thực hiện thành thạo quy trình nối mi cơ bản;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc tóc, tết búi tạo kiểu tóc
- Thực hiện thành thạo quy trình phun xăm và thêu
- Sử dụng an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
- Xây dựng kế hoạch nhân sự; phân công công việc; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị - dụng cụ, hội thảo hoặc sự kiện,...
- Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;
- Giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn tại các bộ phận dịch vụ của cơ sở làm đẹp;

- Đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn kèm cặp kỹ năng nghề cho đồng nghiệp, nhân viên;
- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;
- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề;

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
- Tôn trọng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp;
- Thân thiện, cởi mở, sẵn sàng phục vụ và bảo đảm an toàn sức khỏe, tính mạng khách hàng;
- Có tinh thần hợp tác làm việc nhóm; thiện chí trong tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc;
- Có ý thức tự học, tự bồi dưỡng, trau dồi kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thích ứng với sự phát triển của thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ;
- Rèn luyện khả năng chịu áp lực cao trong công việc, khả năng thích ứng, linh hoạt trong xử lý tình huống, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong quá trình tác nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón, chăm sóc khách hàng;
- Tư vấn chăm sóc sắc đẹp;
- Chăm sóc da mặt;
- Chăm sóc da toàn thân;
- Chăm sóc chuyên sâu về da;
- Chăm sóc móng;
- Thiết kế, tạo hình móng nghệ thuật;

- Trang điểm;
- Trang điểm hóa trang;
- Nối mi;
- Massage bấm huyệt;
- Thiết lập, vận hành cơ sở làm đẹp.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHOÁ HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng kiến thức toàn khoá học: 86 tín chỉ (2175 giờ).
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 65 tín chỉ (1740 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 645 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1530 giờ.

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH/ MĐ	Tên môn học / mô đun	Thời gian học tập (tín chỉ)			Thời gian học tập (giờ)						
		Tổng số	Trong đó		Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận/ tích hợp	Thực tập lâm sàng	Tổng số			
			Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận/ tích hợp							
I	Các môn học chung	21	13	8	0	435	157	255	0	19	4
MH GEN01	Giáo dục chính trị	4	3	1	0	75	41	29	0	5	0
MH GEN02	Tin học	3	1	2	0	75	15	58	0	1	1
MH GEN03	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh 1)	3	2	1	0	60	21	36	0	3	0
MH GEN07	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh 2)	3	2	1	0	60	21	36	0	3	0
MH GEN04	Pháp luật	2	2	0	0	30	18	10	0	2	0
MH GEN05	Giáo dục thể chất	2	0	2	0	60	5	51	0	1	3

MH GEN06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	3	1	0	75	36	35	0	4	0
II.	Các môn học chuyên môn	65	30	19	16	1740	432	548	710	37	13
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	12	11	1	0	195	155	28	0	12	0
MH BAS09	Đại cương về thẩm mỹ	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
MH BAS10	Giải phẫu sinh lý	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
MH BAS11	Mỹ phẩm và dược phẩm trong ngành làm đẹp	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
MH BAS12	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
MH BAS13	Vẽ mỹ thuật	2	1	1	0	45	15	28	0	2	0
MH BAS14	Quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp chăm sóc sắc đẹp	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên ngành	50	18	16	16	1470	262	462	710	23	13
MH BEA01	Điều dưỡng cơ sở	3	2	1	0	60	28	29	0	2	1

MH BEA02	Dinh dưỡng trong chăm sóc sắc đẹp	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
MH BEA03	Y học cổ truyền với chăm sóc sắc đẹp	3	2	1	0	60	30	28	0	2	0
MH BEA04	Vật lý trị liệu trong chăm sóc sắc đẹp	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
MH BEA05	Chăm sóc da cơ bản	6	2	4	0	150	30	115	0	3	2
MH BEA06	Nghệ thuật làm móng	3	1	2	0	75	15	58	0	2	0
MH BEA07	Tạo mẫu tóc	3	1	2	0	75	15	58	0	2	0
MH BEA08	Trang điểm cơ bản	3	1	2	0	75	15	58	0	2	0
MH BEA09	Thực tập cơ sở (CSD + YHCT/ VLTL/ tóc/móng)	12	0	0	12	540	0	0	535	0	5
MH BEA10	Nói mi thẩm mỹ	3	1	2	0	75	15	58	0	2	0
MH BEA11	Nghệ thuật phun xăm và thêu	3	1	2	0	75	15	58	0	2	0
MH BEA12	Quản trị cơ sở chăm sóc sắc đẹp	3	3	0	0	45	43	0	0	2	0
MH BEA14	Thực tế nghề nghiệp	4	0	0	4	180	0	0	175	0	5

II.3	Môn học, mô đun tự chọn (chọn 1 trong các môn sau)	3	1	2	0	75	15	58	0	2	0
MH BEA 13A	Phun xăm và thêu nâng cao	3	1	2	0	75	15	58	0	2	0
MH BEA13B	Trang điểm nâng cao	3	1	2	0	75	15	58	0	2	0
MH BEA 13C	Chăm sóc da nâng cao	3	1	2	0	75	15	58	0	2	0
	Tổng	86	43	27	16	2175	589	803	710	56	17

4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội:

4.1.1. Môn Anh văn thực hiện theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

4.1.2. Môn Tin học thực hiện theo thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

4.1.3. Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo thông tư số 12/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

4.1.4. Môn học Pháp luật thực hiện theo thông tư số 13/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

4.1.5. Môn học Giáo dục chính trị thực hiện theo thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

4.1.6. Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4.2. Tổ chức đào tạo: - đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun và tín chỉ theo thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ngày 30/3/2022.

4.3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung hoạt động ngoại khoá: căn cứ điều kiện cụ thể, khả năng của trường, kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khoá học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng sẽ có quyết định ban hành vào đầu mỗi khoá học.

4.4. Tổ chức thi/ kiểm tra hết môn học/ mô đun: Áp dụng Quy định về thực hiện chương trình đào tạo theo thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ngày 30/3/2022 và được cụ thể hoá trong nội dung chi tiết từng môn học và quy chế đào tạo.

4.5. Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp: Áp dụng Quy định xét công nhận tốt nghiệp theo thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 30/3/2022, cụ thể:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun/tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng sẽ căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học.

- Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng danh hiệu cử nhân thực hành ngành Chăm sóc sắc đẹp (bằng bậc 5 trong khung trình độ quốc gia).

4.6. Các phương pháp dạy – học chính: tất cả các môn học cần được giảng dạy bằng phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm như thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thảo luận ca lâm sàng, giải quyết vấn đề, bài tập nhóm, bài tập lớn, thực hành dựa vào bằng chứng

4.7. Điều kiện thực hiện chương trình:

- Tổ chức học lý thuyết tại giảng đường hoặc tổ chức học trực tuyến: có đủ thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, máy tính. Đối với tổ chức học trực tuyến: có phần mềm, tài khoản, máy tính và các điều kiện khác để tổ chức học trực tuyến.

- Tổ chức học thực hành tại phòng thực hành có đủ trang thiết bị, mô hình thực hành theo yêu cầu của từng môn học.

- Giảng viên đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và có đủ kinh nghiệm giảng dạy.

